

Số: 20/BC-THCS

Phường Lê Ích Mộc, ngày 12 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO
Sơ kết học kì I, năm học 2025 - 2026

I. Quy mô phát triển trường, lớp, học sinh, giáo viên:

1. Số lớp, số học sinh:

Khối	Số HS đầu năm			Số HS cuối HKI		
	Số lớp	Số HS	Nữ	Số lớp	Số HS	Nữ
6	4	170	65	3	170	65
7	3	128	63	5	128	63
8	5	210	98	5	209	97
9	3	144	73	3	142	72
Cộng	15	652	299	15	649	297

- So với đầu năm học: số học sinh giảm 03 em, trong đó: Bỏ học 01 (khối 9), chuyển: 02 (Khối 9: 01, Khối 8: 01 – theo gia đình chuyển về Điện Biên).

2. Về đội ngũ (tính đến ngày 31/12/2025):

Tổng số CB, GV, NV, người LĐ: 34 người

- Cán bộ QL: 02 đ/c, trong đó: Hiệu trưởng: 01, PHT: 01

- Giáo viên: 28 đ/c, trong đó: GV trong biên chế: 25, GV HĐ 111: 03.

- Nhân viên: 01 đ/c, trong đó: Kế toán: 01

- Lao động HĐ: 03 đ/c, trong đó: Bảo vệ: 02, lao công: 01

2.1. Các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

2.1.1. Đội ngũ GV, cán bộ quản lý giáo dục:

*** Cán bộ quản lý:**

- Về số lượng CBQL: 02 người, trong đó: Hiệu trưởng: 01, Phó Hiệu trưởng: 01.

- Về trình độ đào tạo: ĐH: 02 (Môn Ngữ văn: 01, Môn Toán: 01)

- Về năng lực: cả hai đồng chí đều có kinh nghiệm nhiều năm trên cương vị quản lý nhà trường; có năng lực và phẩm chất tốt, nhiệt tình trong công tác.

*** Về đội ngũ giáo viên:**

- Về số lượng: 28 người, trong đó: GV trong biên chế: 25, GV HĐ 111: 03;

Số giáo viên còn thiếu so với biên chế giao năm 2025: 03 đ/c.

- Số giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn: 27/28 đ/c, đạt tỷ lệ: 96.4%, trong đó, trình độ trên chuẩn: 02 đ/c, đạt tỷ lệ: 7.1%; số GV chưa đạt chuẩn đào tạo: 01 đ/c, tỷ lệ: 3.57%.

- Về cơ cấu giáo viên: trường còn thiếu GV ở các bộ môn GDCD, Công nghệ, KHTN. Trong HKI, trường có 02 GV nghỉ dài ngày (01 GV nghỉ sinh con theo chế độ, 01 GV nghỉ chữa bệnh) nên việc bố trí giáo viên dạy đúng chuyên môn còn gặp khó khăn.



Nhà trường đã hợp đồng thỉnh giảng: 03 GV (môn Văn + GDCD: 01, môn Địa + Công nghệ: 01, Âm nhạc: 01) để đảm bảo hạn chế tối đa việc GV dạy chéo môn.

- Về năng lực: đa số các đồng chí giáo viên đều nhiệt tình, có năng lực, có trách nhiệm cao trong công tác. Tuy nhiên, còn một số giáo viên còn hạn chế trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy.

*** Về tình hình nhân viên, lao động hợp đồng:**

- Số nhân viên hiện có: 01 đ/c, vị trí kế toán. So với quy định, hiện nay trường còn thiếu 03 đ/c (Thư viện: 01, phụ tá thí nghiệm: 01, Văn thư: 01).

- Số lao động hợp đồng: 03 người, trong đó: bảo vệ: 02, lao công: 01

2.2. Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục:

- Nhà trường có đầy đủ các phòng học, phòng bộ môn, phòng thực hành, được xây dựng kiên cố. Cụ thể: Số phòng học: 15/15 (trong đó có 02 phòng học thông minh); số phòng học bộ môn: 05 (gồm: Phòng KHTN: 02, Công nghệ: 01, Âm nhạc: 01, Tin học: 01).

- Về trang thiết bị phục vụ dạy và học: đầu năm học, trường đã bố trí đủ thiết bị cho phòng Tin học (22 máy); các phòng thực hành Công nghệ, KHTN: bố trí đầy đủ bàn ghế GV và HS, lắp đặt các thiết bị chuyên dụng, ti vi – máy chiếu đủ mỗi phòng 1 chiếc. Phòng Âm nhạc: có đủ bàn ghế, thiết bị nghe, nhìn, đàn Ooc gan,...

- Về đồ dùng, trang thiết bị dạy học: hiện trường mới trang bị được trang thiết bị đáp ứng từ 30 đến 50% yêu cầu do nguồn kinh phí bố trí cho việc mua sắm còn rất hạn chế.

3. Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục THCS:

3.1. Về quản lý, chỉ đạo thực hiện:

Ban giám hiệu nhà trường đã tham mưu với lãnh đạo địa phương kiện toàn Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục – xóa mù chữ; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban chỉ đạo; Hoàn thành công tác điều tra và các hồ sơ phổ cập theo quy định.

3.2. Công tác kiểm tra, công nhận, quản lý phổ cập:

Trong năm 2025, Phường Lê Ích Mộc đã được kiểm tra công nhận hoàn thành phổ cập THCS mức độ 3.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC:

2.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường:

Ngay từ đầu năm học, Ban giám hiệu đã triển khai xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo yêu cầu công văn 4612/BDGDĐT- GDTrH và công văn 5512/BGDĐT- GDTrH của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chỉ đạo của Sở GD&ĐT Hải Phòng; chỉ đạo các tổ chuyên môn, giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ, nhóm, kế hoạch giáo dục của từng giáo viên theo đúng công văn hướng dẫn và bám sát tình hình thực tế nhà trường. Căn cứ vào tình hình thực tiễn nhà trường, Ban giám hiệu đã thực hiện linh hoạt kế hoạch giáo dục nhà trường, chỉ đạo các tổ chuyên môn và giáo viên điều chỉnh kế hoạch kịp thời để đảm bảo tính chủ động trong thực hiện khung chương trình năm học theo quy định của ngành.

Trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày theo đúng hướng dẫn của Sở GD&ĐT.

Trong đó: - Buổi 1: tổ chức dạy học chính khoá theo chương trình GDPT 2018.

- Buổi 2: tổ chức dạy thêm, học thêm đối với đối tượng học sinh có nguyện vọng ôn thi vào lớp 10 với học sinh khối 9 (thực hiện đối với 3 môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh với thời lượng 02 tiết/tuần/môn); tổ chức dạy học STEM (liên kết với Trung tâm ngoài trường) thời lượng: 01 tiết/tuần (thực hiện với các học sinh khối 6,7,8 có nguyện vọng). Tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi với học sinh ở các môn với thời lượng 02 tiết/tuần/môn (đối với học sinh được lựa chọn tham gia các đội tuyển).

Giáo viên nhà trường xây dựng kế hoạch bài dạy theo hướng tăng cường, phát huy tính tích cực, tự học của học sinh. Nhà trường triển khai quản lý hồ sơ chuyên môn trên phần mềm qlcm.edu.haiphong.vn tạo thuận lợi cho công tác kiểm tra, phát huy khả năng ứng dụng công nghệ của giáo viên.

2.2. Đổi mới phương pháp và hình thức dạy học:

Ban giám hiệu đã xây dựng kế hoạch, chỉ đạo các tổ chuyên môn, các giáo viên bám sát văn bản chỉ đạo của cấp trên tích cực đổi mới phương pháp dạy học. Việc xây dựng kế hoạch bài dạy đảm bảo yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, thiết bị dạy học và học liệu, phương án kiểm tra đánh giá. Chú trọng rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học, dành thời lượng cho học sinh trình bày, thảo luận, luyện tập, thực hành, bảo vệ kết quả học tập của mình...

Các tổ, nhóm chuyên môn cũng đã tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, ứng dụng Khung năng lực số trong các tiết dạy,.... đảm bảo kế hoạch đề ra. Trong HKI, đã triển khai dạy học được 02 chủ đề Stem, mỗi tổ đã tổ chức 02 buổi sinh hoạt theo hướng nghiên cứu bài, 01 buổi sinh hoạt nội dung triển khai ứng dụng khung năng lực số. Trường đã phối hợp với cụm chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề “ Giải pháp nâng cao chất lượng ôn thi vào lớp 10” và “ Ứng dụng khung năng lực số trong dạy và học các môn”.

- Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân: Việc tổ chức nghiên cứu khoa học trong học sinh còn hạn chế do trường thiếu giáo viên, nhân viên. Một trong những khó khăn lớn là thiếu các thiết bị dạy học và tài liệu hỗ trợ cho các hoạt động STEM, đặc biệt là các dụng cụ thí nghiệm và phần mềm mô phỏng. Để khắc phục hạn chế này, nhà trường đã liên kết với Trung tâm ngoài trường để triển khai dạy học STEM. Số học sinh tham gia học chưa được nhiều.

2.3. Đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh:

Việc triển khai đánh giá học sinh theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT và công văn 5870/SGDĐT-GDTrH ngày 22/08/2026 của Sở giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về hướng dẫn kiểm tra đánh giá cấp THCS và THPT từ năm học 2025-2026 đã được thực hiện nghiêm túc. Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của học sinh đều dựa trên ma trận đề kiểm tra, bảng đặc tả. Các bài kiểm tra thường xuyên được thực hiện với nhiều hình thức linh hoạt gồm kiểm tra viết, thực hiện theo dự án, thực hành. Các bài kiểm tra giữa kì, cuối kì được tổ chức coi, chấm tập trung theo khối. Việc này giúp đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch trong quá trình đánh giá.

Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân: Việc tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh thông qua các dự án học tập còn gặp khó khăn.

2.4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh:

- Trong HKI, Ban giám hiệu cũng đã tổ chức lấy ý kiến của học sinh lớp 9 về nguyện vọng sau tốt nghiệp THCS để làm căn cứ tư vấn phân luồng cho HS.
- Tuy nhiên, đa số học sinh khối 9 vẫn lựa chọn thi vào lớp 10 THPT, việc tư vấn cho học sinh chọn học nghề sau tốt nghiệp THCS còn gặp khó khăn.

2.5. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, đảm bảo an toàn trường học:

Ban giám hiệu đã xây dựng kế hoạch tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh và đảm bảo an toàn trường học; chỉ đạo GVCN, giáo viên bộ môn triển khai dạy lồng ghép trong các môn học, các buổi chào cờ, SH lớp,...

- Nhà trường đã xây dựng Bộ quy tắc ứng xử văn hoá của CBGVNV và HS trong trường; quan tâm triển khai thực hiện nghiêm túc công tác tư vấn tâm lý cho học sinh.
- Trong học kì I, nhà trường đã phối hợp với Công an phường Lê Ích Mộc và công an thành phố tổ chức 01 buổi tập huấn về An toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội; 01 buổi tuyên truyền, tập huấn công tác PCCC – CNCH; Phối hợp với Trung tâm GD trẻ khuyết tật tổ chức Giao lưu văn nghệ “Tiếng hát từ trái tim” (Tổng số tiền ủng hộ: 5.694.000đ). Vận động CBGVNV và HS tham gia ủng hộ đồng bào vùng bão lụt 02 đợt với tổng số tiền: 29.996.000đ; ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo” của Phường: 3.000.000đ.
- Công tác Y tế trường học được quan tâm: trong học kỳ I, trường đã phối hợp với Trạm Y tế phường tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho 100% học sinh; vận động 100% học sinh mua bảo hiểm y tế; phối hợp với Trung tâm Y tế Thủy Nguyên tổ chức tuyên truyền về bảo vệ chăm sóc trẻ em, tuyên truyền phòng chống các bệnh truyền nhiễm
- Công tác giáo dục thể chất được triển khai thực hiện nghiêm túc. Nhà trường đã tổ chức thành công Hội khoẻ Phù Đổng cấp trường tháng 12/2025; tổ chức cho học sinh tham gia kỳ sát hạch để chọn đội tuyển dự giải TDTT cấp thành phố.
- Đầu năm học và cuối HKI, nhà trường phối hợp với Công an xã tổ chức cho CBGVNV, PHHS và học sinh kí cam kết chấp hành Luật Giao thông đường bộ; cam kết thực hiện nghị định của Chính phủ về việc cấm sản xuất, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng pháo nổ, đốt thả đèn trời.

* Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân: Trường còn thiếu giáo viên, nhân viên có nghiệp vụ tư vấn tâm lý học đường nên công tác tư vấn tâm lý còn khó khăn.

2.6. Việc triển khai chuyển đổi số trong nhà trường:

- Trong HKI, nhà trường đã xây dựng thêm 01 phòng học thông minh, nâng số phòng học thông minh lên 02 phòng (Các phòng học thông minh có đường Internet riêng, có đủ trang thiết bị theo quy định). Ngoài ra, nhà trường cũng đã mua sắm thêm 06 máy tính cho phòng Tin học, lắp đặt bổ sung 02 mạng Internet để đảm bảo đường truyền ổn định cho việc dạy và học.
- Việc triển khai xây dựng thư viện số và phòng học STEM còn gặp nhiều khó khăn do thiếu kinh phí và nhân lực (Trường không có nhân viên thư viện chuyên trách). BGH cũng đã chỉ đạo các tổ, nhóm và GV tích cực tham gia xây dựng kho học liệu số của đơn vị; số lượng bài giảng điện tử đã xây dựng trong học kì I là 3.721 bài.
- Việc triển khai thực hiện quản lý hồ sơ chuyên môn điện tử: Nhà trường triển khai quản lý hồ sơ chuyên môn trên phần mềm qlcm.edu.haiphong.vn. Các kế hoạch của trường, của các tổ, nhóm và giáo viên đều được quản lý hiệu quả trên phần mềm tạo thuận lợi cho công tác kiểm tra, phát huy khả năng ứng dụng công nghệ của giáo viên.

2.7. Việc tổ chức dạy thêm, học thêm, dạy học liên kết trong nhà trường.

* Về tình hình học thêm: Trong học kì I, BGH đã xây dựng và triển khai kế hoạch dạy thêm, học thêm theo đúng thông tư 29 của Bộ Giáo dục và đào tạo và công văn chỉ đạo của Sở GD&ĐT.

- Việc tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường được triển khai không thu tiền đối với 02 đối tượng:

+ Học sinh lớp 9 có nguyện vọng thi vào lớp 10 THPT: Số học sinh tham gia học: 137/142 em.

+ Học sinh được lựa chọn tham gia kỳ thi học sinh giỏi: ở các môn khối 9 và môn Toán – Tiếng Anh và KHTN – Tiếng Anh (Khối 8), môn TDĐT.

Thời lượng học thêm 02 tiết/tuần/môn.

- GV nhà trường tham gia dạy thêm ngoài trường là 11 đồng chí. Trong HKI, nhà trường chưa nhận được phản ánh tiêu cực về việc dạy thêm, học thêm ngoài trường.

* Trong học kì I, nhà trường có triển khai dạy học liên kết môn Giáo dục STEM (liên kết với Trung tâm Giáo dục kỹ năng sống và STEM Athena), thời lượng 01 tiết/tuần đối với học sinh có nhu cầu và nguyện vọng học (theo đơn). Việc tổ chức hoạt động liên kết được thực hiện theo đúng công văn chỉ đạo của Sở GD&ĐT, thời gian thực hiện từ tháng 10 đến hết HKI với tổng số tiết là 13 tiết. Số học sinh tham gia trong HKI là: 283 em.

* Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân:

- Trong HKI, trường chưa tổ chức dạy thêm đối với đối tượng học sinh chưa đạt do trường còn thiếu GV và chưa có hướng dẫn chi trả kinh phí. Cách tính công và chi trả tiền công dạy thêm trong nhà trường còn vướng mắc do chưa có công văn hướng dẫn.

- Việc tổ chức dạy học liên kết gặp nhiều khó khăn do thủ tục pháp lý phức tạp.

2.8. Kết quả xếp loại 2 mặt giáo dục (phụ lục đính kèm)

2.9. Kết quả các kỳ thi

- Việc triển khai và tham gia các kỳ thi:

Trong học kì I, học sinh nhà trường đã tổ chức cho học sinh ôn thi các môn văn hóa khối 9, môn Toán – Tiếng Anh, KHTN – Tiếng Anh, môn điền kinh tham gia sát hạch cấp phường. Kết quả có 06 học sinh được chọn tham gia dự thi HSG thành phố (đợt 1), trong đó: Toán: 02 em, Ngữ văn: 02 em, KHTN2: 01 em, Lịch sử: 01 em. Tăng so với năm học trước: 04 em.

Nhà trường cũng đã tổ chức cho học sinh tham gia thi Violympic Toán và Khoa học tự nhiên trên Internet: Kết quả có 04 học sinh được vào vòng thi thành phố (môn Toán: 03, môn Khoa học Tự nhiên: 01).

- Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân: Số học sinh tham gia thi chưa đều ở các môn do thiếu nhân lực và số chọn của phường còn hạn chế (theo tỷ lệ giao của TP).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

3.1. Kết quả đạt được

Học kì I, năm học 2025 - 2026, với sự nỗ lực chung của tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên, nhà trường đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ đề ra:

1. Trường đã xây dựng đầy đủ các kế hoạch, triển khai thực hiện nhiệm vụ sát với yêu cầu về đổi mới của ngành, phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường.

2. Các hoạt động của nhà trường ổn định, nền nếp; công tác chuyên môn được triển khai thực hiện đảm bảo kế hoạch đề ra.
3. Công tác phong trào được quan tâm, trường đã tổ chức được nhiều hoạt động GD được lãnh đạo cấp trên đánh giá và ghi nhận.
4. Công tác chuyển đổi số tiếp tục được triển khai hiệu quả giúp công tác quản lý nhà trường hiệu quả : nhà trường tiếp tục triển khai quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trên CSDL ngành; quản lý hồ sơ giáo viên trên phần mềm QLCM ; 100% các khoản thu của trường đều thực hiện qua phần mềm sisap,...
5. Công tác vận động xã hội hóa tiếp tục nhận được sự ủng hộ Đảng, chính quyền địa phương và sự đồng thuận của phụ huynh học sinh.

3.2. Hạn chế cần khắc phục:

1. Sinh hoạt chuyên môn tổ/nhóm chưa đi vào chiều sâu; chưa có nhiều hoạt động mang tính sáng tạo thu hút học sinh tham gia.
2. Một số giáo viên còn chưa nhiệt tình trong thực hiện nhiệm vụ, chưa dành nhiều thời gian cho việc nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy học, kết quả giảng dạy chưa cao; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong một bộ phận giáo viên còn hạn chế. Còn có giáo viên do sức khỏe yếu phải nghỉ làm thời gian dài ảnh hưởng đến việc phân công chuyên môn trong trường.

3.3. Đề xuất, kiến nghị:

1. Với chính quyền địa phương:

- Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức của nhân dân về vai trò của giáo dục; tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động của nhà trường được triển khai có hiệu quả.
- Chỉ đạo các hoạt động chuyên môn kịp thời, hiệu quả.
- Quan tâm đến công tác khuyến học, khuyến tài, khen thưởng, tạo động lực cho học sinh nhà trường trong học tập.
- Hạn chế yêu cầu các nhà trường tham gia các hoạt động ngoài chuyên môn để GV tập trung công tác dạy học và giáo dục học sinh hiệu quả.

2. Với UBND thành phố và Sở GD & ĐT thành phố:

- Sớm có kế hoạch tuyển bổ sung số biên chế còn thiếu theo chỉ tiêu phân bổ năm 2025 để trường thực hiện tốt nhiệm vụ.
- Sớm ban hành văn bản hướng dẫn về kinh phí dạy thêm, học thêm trong nhà trường.
- Quan tâm đến đời sống giáo viên, nhân viên trong trường học; có chính sách để thu hút giáo viên vào ngành để giải quyết tình trạng thiếu giáo viên, nhân viên nhưng không có nguồn tuyển như hiện nay.

Nơi nhận :

- Sở GD & ĐT Hải Phòng;
- Phòng Văn hóa – Xã hội phường ;
- Các bộ phận trong trường ;
- Lưu VT



TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỌC TẬP, KẾT QUẢ RÈN LUYỆN
HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025-2026

STT	Tên lớp	Số học sinh	Thông tư 22																						
			Chuyên đi	Chuyên đến	Bộ học	Kết quả học tập										Kết quả rèn luyện									
						Tổng số HS ĐG	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tổng số HS ĐG	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt			
							SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)		
1	TỔNG TOÀN TRƯỜNG	649	6	5	1	649	144	22.19	280	43.14	209	32.2	16	2.47	649	616	94.92	33	5.08						
2	TỔNG KHỐI 6	170	1			170	33	19.41	77	45.29	57	33.53	3	1.76	170	167	98.24	3	1.76						
3	6A1	44				44	29	65.91	15	34.09					44	44	100								
4	6A2	41	1			41	3	7.32	23	56.1	14	34.15	1	2.44	41	40	97.56	1	2.44						
5	6A3	43				43	1	2.33	21	48.84	19	44.19	2	4.65	43	41	95.35	2	4.65						
6	6A4	42				42			18	42.86	24	57.14			42	42	100								
7	TỔNG KHỐI 7	128	1	3		128	37	28.91	55	42.97	33	25.78	3	2.34	128	118	92.19	10	7.81						
8	7A1	42	1	1		42	29	69.05	13	30.95					42	42	100								
9	7A2	44		1		44	2	4.55	21	47.73	21	47.73			44	42	95.45	2	4.55						
10	7A3	42		1		42	6	14.29	21	50	12	28.57	3	7.14	42	34	80.95	8	19.05						
11	TỔNG KHỐI 8	209	3	2		209	33	15.79	90	43.06	77	36.84	9	4.31	209	196	93.78	13	6.22						
12	8A1	45	1	1		45	22	48.89	22	48.89	1	2.22			45	45	100								
13	8A2	41	1	1		41	3	7.32	20	48.78	16	39.02	2	4.88	41	37	90.24	4	9.76						
14	8A3	42				42	4	9.52	21	50	17	40.48			42	41	97.62	1	2.38						
15	8A4	40	1			40	1	2.5	14	35	22	55	3	7.5	40	36	90	4	10						
16	8A5	41				41	3	7.32	13	31.71	21	51.22	4	9.76	41	37	90.24	4	9.76						
17	TỔNG KHỐI 9	142	1		1	142	41	28.87	58	40.85	42	29.58	1	0.7	142	135	95.07	7	4.93						
18	9A1	47				47	35	74.47	12	25.53					47	47	100								
19	9A2	46			1	46	4	8.7	17	36.96	24	52.17	1	2.17	46	44	95.65	2	4.35						
20	9A3	49	1			49	2	4.08	29	59.18	18	36.73			49	44	89.8	5	10.2						

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

[Signature]

Phường Lê Ích Mộc, ngày 12 tháng 01 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
HỢP THÀNH
[Signature]